

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**Bản án số: 253/2019/ HNGĐ-ST  
Ngày 28/11/2019  
V/v Tranh chấp: Ly hôn**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Kim Phụng
2. Ông Nguyễn Đình Bạ

*Thư ký phiên tòa:* bà Lê Thị Thùy Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc tham gia phiên tòa:* bà Trương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Trương Thị L, địa chỉ: thôn L, xã Đại Hồng, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; *có mặt*

- **Bị đơn:** Anh Trịnh Minh D; hộ khẩu thường trú: thôn 5, xã Cư Kty, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk, chỗ ở hiện nay: thôn L, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, *có đơn xin vắng mặt*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2019 và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Năm 2003, chị Trương Thị L và anh Trịnh Minh D tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cư Kty, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại thôn L, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Dương thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, ngoại tình về đánh đập chị. Đến năm 2016, mâu thuẫn giữa vợ chồng trở nên trầm trọng nên mặc dù sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay chị Lượng xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị

yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Minh D để chị được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: vợ chồng có 02 cháu là Trịnh Thị Ly N, sinh ngày 31/7/2004 và Trịnh Minh K, sinh ngày 30/10/2007, hiện đang sống với vợ chồng. Nay ly hôn Chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng tự giải quyết, về nợ chung vợ chồng không có nên Chị L không yêu cầu Tòa can thiệp.

*Tại hồ sơ vụ án bị đơn Trịnh Minh D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh D thống nhất với lời khai của Chị L về quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống, Chị L chăm lo gia đình rất vất vả, còn bản thân anh có ăn chơi, trai gái, không lo làm ăn, khi vợ chồng cãi vã anh có đánh Chị L một lần. Từ tháng 2/2019 anh D đi chấp hành án phạt tù, đến tháng 9/2019 anh trở về thì Chị L yêu cầu ly hôn mà không nói rõ lý do với anh. Anh đã cam kết với Chị L sẽ sửa đổi bản thân và đề nghị Chị L trở về đoàn tụ nhưng Chị L không đồng ý. Nay anh D xét thấy bản thân còn thương vợ, không muốn gia đình tan vỡ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh D thống nhất lời trình bày của Chị L về quan hệ con chung. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, việc giao nuôi con chung anh tùy thuộc vào ý kiến của các con. Nếu các cháu có nguyện vọng sống với mẹ thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Nếu các cháu muốn sống với anh thì anh đồng ý nuôi và không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng tự giải quyết, về nợ chung vợ chồng không có nên anh D không yêu cầu Tòa can thiệp.

*Tại hồ sơ vụ án các cháu Trịnh Thị Ly N và Trịnh Minh K đều có nguyện vọng sống với mẹ là chị Trương Thị L.*

*Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn Trương Thị L và bị đơn Trịnh Minh D thực hiện việc khởi kiện, cung cấp chứng cứ, trình bày ý kiến và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng Chị L và anh D đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của Chị L được ly hôn với anh D. Về con chung đề nghị giao 02 cháu Trịnh Thị Ly N, sinh ngày 31/7/2004 và Trịnh Minh K, sinh ngày 30/10/2007 cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập. Về tài sản chung Chị L, anh D khai không yêu cầu Tòa can thiệp, về nợ chung vợ chồng thống nhất khai không có nên không đề cập là phù hợp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Trịnh Minh D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

*[2] Về nội dung:*

*[2.1] Xét quan hệ hôn nhân* giữa chị Trương Thị L và anh Trịnh Minh D thì thấy anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

*Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của anh D, Chị L thì thấy:* Thể hiện tại lời khai của anh D, Chị L và kết quả xác minh tại địa phương, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tại hồ sơ vụ án anh D thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh D cờ bạc, ngoại tình, thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo chăm lo làm ăn. Khi vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã anh D thừa nhận có đánh Chị L. Năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm chăm sóc ai. Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Chị L cương quyết xin ly hôn. Anh D cho rằng anh còn thương yêu vợ và không muốn gia đình đổ vỡ nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh D, Chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị L, xử cho Chị L được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

*[2.2] Về quan hệ con chung:* Xét yêu cầu về nuôi con chung của vợ chồng thì thấy: Tại hồ sơ vụ án hai cháu Trịnh Thị Ly N và Trịnh Minh K có nguyện vọng sống với mẹ, phù hợp với yêu cầu của Chị L. Anh D tùy thuộc vào ý kiến của các con. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị L, giao hai cháu Trịnh Thị Ly N và Trịnh Minh K cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và không trái pháp luật.

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Chị L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Chị L, anh D khai không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

*[2.4] Về án phí:* Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc Chị L phải chịu án phí kiện xin ly hôn 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên xử cho chị Trương Thị L được ly hôn với anh Trịnh Minh D.

- *Về con chung:* Giao cho chị Trương Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Trịnh Thị Ly N (sinh ngày 31/7/2004) và Trịnh Minh K (sinh ngày 30/10/2007) cho đến khi các cháu N và K đủ 18 tuổi.

Chị Trương Thị L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trịnh Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa can thiệp nên không đề cập.

- *Về nợ chung:* Vợ chồng thống nhất khai không có.

- *Về án phí:* Án phí kiện xin ly hôn số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) chị Trương Thị L phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) Chị L đã nộp theo biên lai thu số 003409 ngày 18/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Đ.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích luật thi hành án dân sự).*

**Nơi nhận:**

- TAND T. Quảng Nam;
- VKSND H.Đ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Chi cục THADAS H. Đ;
- UBND xã Đại Nghĩa
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ái Linh**